TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 10 – 2022
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Thạch Văn Mến.

2/ Bà Lê Thị Tiến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Thị Qual – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị H, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh S.

- *Bị đơn*: Ông Lâm T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:

Bà Dương Thị H với ông Lâm T kết hôn với nhau vào năm 2010. Hai người đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 186 ngày 24/11/2010.

Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù còn sống chung cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai.

Thời gian chung sống ông bà có hai con chung tên Lâm Đình T1, sinh ngày 22/10/2011 và Lâm Thiên T2, sinh ngày 16/11/2015, hiện đang sống cùng gia đình.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Dương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lâm T.

- Về con chung: Mỗi người nuôi một đứa con. Bà H yêu cầu được nuôi cháu Lâm Thiên T2, sinh ngày 16/11/2015. Ông Lâm T nuôi cháu Lâm Đình T1, sinh ngày 22/10/2011. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lâm T không có lời trình bày do vắng mặt:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 100/2022/TB-TLVA ngày 11 tháng 5 năm 2022, tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Lâm T nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt ông T, không tiến hành hòa giải được và ông T cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị H ly hôn với ông Lâm T. Về con chung: Giao cháu Lâm Thiên T2, sinh ngày 16/11/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lâm Đình T1, sinh ngày 22/10/2011 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Lâm T và bà Dương Thị H đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn ông T thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Dương Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Toà án cho ly hôn với ông Lâm T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị H với ông Lâm T là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Mặc dù hai người còn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai và bà H cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Hai cháu Lâm Đình T1, sinh ngày 22/10/2011 và Lâm Thiên T2, sinh ngày 16/11/2015. Hiện các con đang sống với gia đình nhưng cháu Lâm Đình T1 có nguyện vọng sống với cha và cháu Lâm Thiên T2, sinh ngày 16/11/2015 có nguyện vọng sống cùng mẹ. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu T2. Xét thấy yêu cầu của bà H hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà H yêu cầu nên bà H phải chịu theo luật định.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Dương Thị H.
- Về hôn nhân: Bà Dương Thị H được quyền ly hôn với ông Lâm T.
- Về con chung: Giao cháu Lâm Đình T1, sinh ngày 22/10/2011 cho ông Lâm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Lâm Thiên T2, sinh ngày 16/11/2015 cho bà Dương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T và bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T và bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T, bà H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người kia thì người đó có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lâm T không phải phải nộp án phí.

+ Bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002080 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà H đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
- UBND xã L, huyện T, tỉnh S;
-Lưu HSVA.